

Số: /BC-UBND

Hoàng Trường, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn xã Hoàng Trường

Căn cứ Quyết định số 1300/QĐ-BTY ngày 09/3/2023 của Bộ y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 1453/QĐ-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ Y tế đình chính Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 17/01/2024 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Hoàng Hóa.

UBND xã Hoàng Trường báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn xã Hoàng Trường với những nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trạm y tế xã Hoàng Trường có địa chỉ tại Thôn 1, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại : 02378846026

- Địa chỉ gmail: tyhoangtruong@gmail.com.

Hoàng Trường là xã ven biển nằm ở phía Đông Bắc huyện Hoàng Hóa, cách trung tâm huyện 13 km về phía Đông, diện tích 5 km² với 11.446 nhân khẩu; dân cư sống tập trung tại 9 thôn, có đường ven biển đi qua. Phía Bắc giáp huyện Hậu Lộc, ngăn cách bởi Dòng sông lạch Trường; Phía Đông giáp biển đông; Phía Tây giáp xã Hoàng Yên; Phía Nam và Tây Nam giáp xã Hoàng Hải.

Trạm Y tế có 6 cán bộ, nhân viên trong đó có 1 bác sỹ, 2 y sỹ, 1 nữ hộ sinh và 2 y sỹ sản nhi. 9/9 đơn vị thôn có cộng tác viên dân số. Xa bệnh viện đa khoa huyện nên nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức của khỏe nhân dân gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên đội ngũ nhân viên trạm y tế đã không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, thực hiện được 85% danh mục kỹ thuật Bộ y tế quy định và luôn sẵn có trên 247 danh mục thuốc để đáp ứng nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO, HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

+ Sau khi Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1300/QĐ-BTY ngày 09/3/2023 về việc thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 04/01/2024 về Triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đảng ủy HĐND xã đã ban hành các nghị quyết chuyên đề về Triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã

giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn xã Hoàng Trường.

+ Việc thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã đã được đưa vào nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương.

+ Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân xã đã ban hành kế hoạch hoạt động hàng năm; Kế hoạch về việc thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên ban chỉ đạo.

+ Mặt trận tổ quốc, các ban ngành, đoàn thể trong xã cũng ký cam kết thực hiện xã hội hóa công tác y tế và không ngừng hỗ trợ ngành y tế trong công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân. Cùng với sự hỗ trợ của Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa và sự tham gia nhiệt tình của cán bộ và nhân dân trong xã; Bộ mặt trạm y tế đã có nhiều khởi sắc, năng lực chuyên môn, trang thiết bị, thuốc thiết yếu đã được nâng lên một tầm cao mới gắn với phong trào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ.

1. Tiêu chí 1: Chỉ đạo và điều hành công tác chăm sóc sức khỏe (14 điểm)

a. Các biện pháp đã triển khai thực hiện.

Ban chỉ đạo CSSK nhân dân được kiện toàn theo Quyết định số 31 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024; có quy chế hoạt động xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoạt động thường xuyên. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, công tác dân số được đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy hoặc kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của xã; các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động CSSK.

- Xây dựng Kế hoạch về thực hiện xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030 theo hướng dẫn tại Quyết định số 1300/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

- BCD CSSKND xã tổ chức họp triển khai thực hiện các nhiệm vụ, các ban ngành, đoàn thể trong xã thực hiện cam kết trong việc thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.

- Trạm Y tế xã xây dựng Kế hoạch hoạt động tổng thể cũng như Kế hoạch chi tiết về công tác y tế hàng năm, phân công nhiệm vụ cụ thể, tổ chức họp triển khai nhiệm vụ.

b. Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 1: Xã có BCD CSSK nhân dân, hoạt động thường xuyên (1 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Ban chỉ đạo CSSK nhân dân xã Hoàng Trường được kiện toàn theo Quyết định số 31/QĐ – UBND, ngày 26 tháng 03 năm 2024 do chủ tịch UBND xã ký ban hành theo Thông tư số 07/BYT-TT ngày 28/5/1997 của Bộ Y tế, có 11 thành viên, gồm có lãnh đạo UBND xã làm trưởng ban, trưởng trạm y tế làm phó ban, lãnh đạo các ban ngành có liên quan tại địa phương là ủy viên.

+ UBND xã ban hành thông báo số 32/TB-UBND ngày 26/3/2024 về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban CDCSSKND.

+ Quyết định số 64/QĐ – UBND, ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo CSSKND xã.

+ Ban chỉ đạo CSSK nhân dân xã Hoàng Trường Xây dựng kế hoạch số 44 /KH-BCĐ ngày 26/3/2024 về việc thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030.

+ Ban chỉ đạo CSSK nhân dân xã duy trì chế độ họp hàng năm, họp định kỳ tối thiểu 6 tháng/1 lần và họp đột xuất khi có các sự kiện về y tế phát sinh. 9 tháng đầu năm 2024 BCĐCSSKND họp 3 lần; các cuộc họp luôn đảm bảo 100% số thành viên của BCĐCSSKND, các ban ngành đoàn thể tham gia (có biên bản các cuộc họp để làm cơ sở tổ chức triển khai và theo dõi).

*** Chỉ tiêu số 2: Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy hoặc kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của xã; các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động CSSK (4 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 04 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được đưa vào Nghị quyết và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã.

- Đưa vào chủ trương xây dựng, duy trì xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã và Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Hoàng Trường về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2024.

- Đưa vào chủ trương xây dựng, duy trì xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã và Nghị quyết số 40/NQ-ĐU ngày 26/12/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ xã.

- Đưa vào Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND xã Hoàng Trường về tình hình kinh tế xã hội quốc phòng an ninh năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

+ Có 7 đoàn thể chính trị - xã hội trong xã tham gia vào việc triển khai thực hiện hoạt động chăm sóc sức khỏe và các chương trình y tế trên địa bàn đạt tỷ lệ 100%.

*** Chỉ tiêu số 3: Y tế xã có xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về các hoạt động y tế của xã (1 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 44/KH-BCĐ ngày 26/3/2024 về hoạt động của BCĐ chăm sóc sức khỏe Nhân dân năm 2024.

+ Trạm y tế xã xây dựng Kế hoạch hoạt động tổng thể ngày 31/12/2023 dựa trên nhu cầu chăm sóc sức khỏe của địa phương, nguồn lực sẵn có hoặc có thể huy động được, chỉ tiêu được giao và hướng dẫn của y tế tuyến trên; kế hoạch được trung tâm y tế huyện, UBND xã phê duyệt.

+ Có báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2024 về công tác y tế và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2024.

+ Có biên bản họp ngày 12 tháng 01 năm 2024, ngày 02 tháng 7 năm 2024 và ngày 25 tháng 09 năm 2024.

*** Chỉ tiêu số 4: TYT xã có đủ sổ, mẫu báo cáo thống kê theo quy định (bao gồm ứng dụng CNTT); báo cáo số liệu thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác; có các biểu đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động (2**

điểm).

* TYT có đủ sổ sách, mẫu báo cáo theo đúng quy định của BHYT và Sở Y tế bao gồm báo cáo bản giấy và ứng dụng CNTT (TT số 37/2019/TT-BYT);

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

Trạm y tế xã có đủ mẫu sổ sách, báo cáo thống kê theo quy định bao gồm cả ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chế độ báo cáo số liệu thống kê trên các phần mềm cũng như báo cáo bản giấy đầy đủ, kịp thời theo quy định, có các biểu đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động.

* **Chỉ tiêu số 5: TYT xã được cấp đủ và kịp thời kinh phí chi thường xuyên; quản lý tài chính theo quy định (3 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 03 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Ngay đầu năm Trạm Y tế xã đã xây dựng Kế hoạch tài chính và quy chế chi tiêu năm 2024.

+ Hàng tháng chế độ lương, phụ cấp của cán bộ, nhân viên TYT và các chi phí hoạt động thường xuyên như văn phòng phẩm, điện, nước được TTTY huyện cấp đầy đủ và kịp thời.

+ Các nguồn kinh phí được quản lý chặt chẽ thu, chi đúng mục đích có sổ sách theo dõi thu, chi hàng ngày (được thể hiện cụ thể trong sổ thu chi hàng năm)

* **Chỉ tiêu số 6: Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (3 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do không đạt điểm:

Tỷ lệ người dân tham gia BHYT của xã Hoàng Trường cho đến tháng 9/2024 thấp hơn tỷ lệ do Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Thanh Hóa (Theo Quyết định số 546/QĐ-TTG ngày 20/4/2022).

c) Kết quả đánh giá tiêu chí 1.

- Điểm địa phương chấm: 12/14 điểm.

- Điểm sau thẩm định:

2. Tiêu chí 2: Nhân lực y tế (10 điểm)

a. Các biện pháp đã triển khai thực hiện:

- Trạm y tế xã được trung tâm y tế bố trí đủ nhân lực đảm bảo nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Phân công cán bộ tham gia các lớp về việc đào tạo lại, đào tạo liên tục, các đợt tập huấn chuyên môn cho cán bộ y tế theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 và Thông tư 26/2020/TTBYT ngày 28/12/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2013/TT-BYT của Bộ Y tế.

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu

* **Chỉ tiêu số 7: Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của TYT được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành (4 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 04 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm Y tế xã Hoàng Trường hiện có 6 nhân viên y tế theo đề án vị trí

việc làm gồm 1 bác sỹ, 2 y sỹ, 1 nữ hộ sinh và 2 y sỹ sản nhi được sắp xếp theo đề án vị trí việc làm (Có QĐ phê duyệt đề án vị trí việc làm của TTYT huyện; có danh sách trích ngang và phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể).

+ Cán bộ y tế được đào tạo lại, đào tạo liên tục theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 và Thông tư 26/2020/TT-BYT ngày 28/12/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2013/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế (được tập huấn tối thiểu 24 giờ học/năm; ít nhất 2 năm/lần).

Trong đó đào tạo chuyên môn định kỳ về y tế trường học/dinh dưỡng/tiêm chủng 3 người, các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ khác là 02 người thể hiện ở báo cáo kết quả hoạt động số 01/BC-BCĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 của BCĐ CSSK ND xã (Có bảng tổng hợp và chứng chỉ đào tạo, tập huấn chuyên môn của cán bộ, nhân viên TYT xã kèm theo).

*** Chỉ tiêu số 8: Có bác sỹ làm việc tại TYT xã (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm: Xã Hoàng Trường thuộc vùng 2, có 01 bác sỹ làm việc thường xuyên tại Trạm Y tế.

*** Chỉ tiêu số 9: Mỗi thôn, bản, ấp đều có NVYT, CTV dân số được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản ấp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 2

- Lý do không đạt điểm:

+ Hiện tại xã có 9 cộng tác viên dân số/9 thôn, hàng năm được đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

+ Hàng tháng cộng tác viên dân số giao ban chuyên môn định kỳ với Trạm Y tế xã 01 lần đạt tiêu chuẩn, chức năng nhiệm vụ theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế.

*** Chỉ tiêu số 10: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 2

+ Thực hiện đúng, đủ và kịp thời những chính sách ban hành với các loại hình cộng tác viên dân số theo quy định hiện hành, bao gồm phụ cấp và các chế độ, chính sách khác có danh sách kèm theo có dấu xác nhận của UBND xã.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí 2:

- Điểm địa phương chấm: 10/10 điểm.

3. Tiêu chí 3: Cơ sở hạ tầng Trạm Y tế xã (12 điểm)

a. Các biện pháp đã triển khai thực hiện

Trạm y tế xã được UBND xã đầu tư xây dựng 1 khu nhà 2 tầng năm 2016 với 12 phòng chức năng, có đủ công trình phụ trợ trên khuôn viên 1500m²

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu

*** Chỉ tiêu số 11: TYT xã ở gần đường trục giao thông của xã, hoặc ở khu vực trung tâm xã để người dân dễ tiếp cận (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

Trạm Y tế xã Hoàng Trường có vị trí thuận lợi để người dân tiếp cận, đường giao thông thuận lợi, ô tô cứu thương vào trong trạm dễ dàng, gần trường học, nằm ngay trung tâm xã, được mô tả cụ thể ở bản đồ địa chính do UBND xã phê

duyệt.

*** Chỉ tiêu số 12: Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của TYT xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu CSSK nhân dân (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Diện tích khu đất xây dựng là 1500 m².

+ Diện tích bố trí các hạng mục công trình: Nhà trạm với diện tích đất xây dựng là 224,60 m², nhà để xe 20 m²; nhà bếp 30 m² Công trình phụ trợ như: nhà tắm, sân vườn cây xanh (cây bóng mát, vườn hoa, vườn cây thuốc), sân đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe, cổng và tường rào.

+ Khu đất xây dựng thoáng, cao ráo; đảm bảo các điều kiện kết nối hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp nước máy, thoát nước).

*** Chỉ tiêu số 13: TYT xã được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở và tiêu chuẩn ngành; đảm bảo đủ số lượng và diện tích của các phòng để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao (3 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 03 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Cơ sở hạ tầng của trạm y tế xã được thiết kế đảm bảo theo quy định tại Thông tư 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế; có 14 phòng, diện tích mỗi phòng từ 16 đến 20 m² đủ để thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao.

+ Có hệ thống bảng hiệu, biển hiệu, biển chỉ dẫn và ghế ngồi cho bệnh nhân chờ khám bệnh. Có khu vực chờ tiêm, theo dõi sau tiêm chủng đảm bảo yêu cầu.

*** Chỉ tiêu số 14: Công trình chính của TYT xã được xếp hạng từ cấp III trở lên (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Cấp công trình xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trạm y tế xã Hoàng Trường đạt yêu cầu do được đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách xã xây khu nhà 2 tầng vào năm 2016 có 14 phòng chức năng với tổng kinh phí 3 tỉ đồng và các công trình phụ trợ như sân, vườn thuốc nam nhà xe, nhà tạm lánh cộng đồng.

*** Chỉ tiêu số 15: TYT xã có nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh được hợp đồng với công ty cấp thoát nước Thanh Hóa số 42 ngày 18/01/2024.

+ Có nhà tiêu hợp vệ sinh đáp ứng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu. Trạm có 2 khu nhà tiêu tự hoại khép kín đạt quy chuẩn, trong đó có một khu dành cho người bệnh.

+ Chất thải y tế được phân loại, thu gom gửi xử lý theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Thu gom và vận chuyển hàng tuần về Trung tâm y tế huyện; có hợp đồng số 37 /2023HĐKT về việc thu gom và vận chuyển chất thải y tế lây nhiễm và rác thải nguy hại và sổ bàn giao chất thải y tế.

*** Chỉ tiêu số 16: Có đủ hạ tầng kỹ thuật và khối phụ trợ (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Có khối phụ trợ và công trình phụ trợ: Bao gồm: Nhà kho, bếp (diện tích 30 m²), nhà xe (diện tích 20 m²), cổng và hàng rào bảo vệ; sử dụng nguồn điện lưới đảm bảo.

+ Trạm y tế có 04 máy tính và 04 máy in đang hoạt động tốt và có kết nối Internet. Nhân viên y tế dễ dàng tiếp cận và sử dụng hai phương tiện này.

b) Kết quả đánh giá tiêu chí 3:

- Điểm địa phương chấm: 12/12 điểm

4. Tiêu chí 4: Trang thiết bị, thuốc và các phương tiện khác (9 điểm)

a) Các biện pháp đã triển khai thực hiện

- Trạm Y tế xã thực hiện kiểm kê tài sản, thuốc và vật tư tiêu hao hàng năm định kỳ 02 lần/năm (6 và 12 tháng).

- Thực hiện bổ sung danh mục thuốc, trang thiết bị và các phương tiện khác theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế từ nguồn ngân sách UBND tỉnh Thanh Hóa và các quỹ từ thiện khác tài trợ, hàng năm được Trung tâm y tế Hoàng Hóa mua bổ sung...

- Phân công cán bộ trạm y tế tham gia các lớp tập huấn chuyên môn và có sử dụng các trang thiết bị được cung cấp.

- Phối hợp thực hiện việc bảo dưỡng định kỳ, đề nghị sửa chữa và thay thế kịp thời, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, không để xảy ra tai biến nghiêm trọng về sử dụng thuốc.

- Trạm y tế được Thuốc được nhân viên trạm y tế góp vốn nên đảm bảo cho công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 17: TYT xã đảm bảo có đủ TTB để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp (3 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Hiện tại TYT xã có tổng số 62 /68 danh mục TTB thuộc danh mục TTB tối thiểu theo quy định thông tư 28/2020 /TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế, chiếm tỷ lệ 91,2% được thể hiện ở Báo cáo kiểm kê 6 tháng đầu năm 2024 của TYT xã, tuy nhiên chỉ đạt ở mức từ 80 đến dưới 100%.

Bảng danh mục trang thiết bị y tế

STT	Tên trang thiết bị	ĐVT	Số lượng
I	Khám chữa bệnh		
1	Máy đo đường huyết cá nhân	Cái	02
2	Huyết áp kế	Bộ	03
3	Ống nghe	Bộ	03
4	Đèn khám bệnh	Cái	01
5	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Bộ	02
6	Bộ khám ngũ quan	Bộ	01
7	Đèn khám treo trần (đèn clar)	Bộ	01
8	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	Bộ	01
II	Sơ cứu, cấp cứu		

1	Máy khí dung	Cái	01
2	Bình ô xy + Bộ làm ấm có đồng hồ + Mask thở ô xy	Bộ	04
3	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	Cái	02
4	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	Bộ	02
5	Bộ nẹp chân	Bộ	02
6	Bộ nẹp tay	Bộ	02
7	Bộ nẹp cổ	Bộ	02
8	Cáng tay	Cái	01
III	Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng		
1	Xe tiêm	Cái	01
2	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	Cái	01
3	Bàn tiêu phẫu	Cái	01
4	Bộ dụng cụ tiêu phẫu	Bộ	01
5	Giá treo dịch truyền	Bộ	02
6	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Bộ	02
7	Bộ mở khí quản cho người lớn	Bộ	01
8	Bộ mở khí quản cho trẻ em	Bộ	01
9	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	Bộ	01
10	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	Bộ	01
11	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	Bộ	01
IV	Y học cổ truyền		
1	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	01
2	Máy điện châm	Cái	02
3	Đèn hồng ngoại điều trị	Cái	01
V	Sản, kế hoạch hóa gia đình		
1	Máy doppler tim thai	Cái	01
2	Bàn đẻ và làm thủ thuật	Bộ	01
3	Bàn khám sản khoa	Bộ	01
4	Bàn đẻ dụng cụ	Cái	02
5	Bàn chăm sóc trẻ sơ sinh	Cái	01
6	Bộ dụng cụ khám thai	Bộ	01
7	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	02
8	Bộ hồi sức trẻ sơ sinh	Bộ	01
9	Bộ dụng cụ cắt khâu tầng sinh môn	Bộ	01
10	Bộ dụng cụ đặt vòng	Bộ	01
11	Đèn gù	Cái	01
12	Cân trẻ sơ sinh	Cái	02
VI	Xét nghiệm		
1	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Cái	01
2	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	Cái	01
VII	Tiệt trùng		
1	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01
2	Tủ sấy	Cái	01

VIII	Khu vực lưu người bệnh		
1	Giường bệnh	Cái	03
IX	Khám phụ khoa		
1	Bàn khám phụ khoa	Cái	01
2	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ	01
3	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	Bộ	01

Bảng danh mục các thiết bị khác

STT	Tên thiết bị	DVT	Số lượng
1	Bàn khám bệnh	Cái	01
2	Tủ đầu giường bệnh	Cái	05
3	Tủ đựng thuốc cổ truyền	Bộ	0
4	Giá, kệ đựng dược liệu	Bộ	0
5	Bàn chia thuốc theo thang	Bộ	0
6	Dụng cụ sơ chế thuốc đông y	Bộ	0
7	Cân thuốc	Cái	0
8	Máy sắc thuốc	Cái	0
19	Tủ bảo quản thuốc	Bộ	01
10	Bảng thông tin, truyền thông	Cái	01
11	Tủ đựng tài liệu truyền thông	Bộ	01
12	Tivi	Cái	02
13	Loa, bộ âm thanh	Bộ	01
14	Giường	Cái	01
15	Máy vi tính	Bộ	04
16	Máy in	Bộ	04
17	Bộ bàn, ghế văn phòng	Cái	02
18	Tủ đựng đồ cá nhân	Cái	02

+ Cán bộ TYT được tham gia tập huấn có khả năng sử dụng TTB được cung cấp.

- Lý do bị trừ điểm: Chưa đủ 100% danh mục theo quy định.

*** Chỉ tiêu số 18: Tại TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốt và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định (4 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 03 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm y tế xã có xây dựng Kế hoạch sử dụng thuốc an toàn, hợp lý năm 2024; Đảm bảo có đủ danh mục thuốc theo quy định của Bộ Y tế.

+ Hiện tại TYT xã có tổng số 203 danh mục thuốc tân dược thuộc danh mục thuốc tối thiểu theo quy định thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017, Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế và 24 danh mục chế phẩm đông dược (có phụ lục lưu tại trạm)

+ Thuốc tại TYT xã được quản lý theo các quy định về dược được Bộ Y tế ban hành. Có đầy đủ sổ sách và ghi chép đúng quy định; Có biên bản kiểm nhập, sổ theo dõi nhập, xuất thuốc; báo cáo kiểm kê định kỳ hàng tháng, báo cáo số lượng sử dụng thuốc hàng tháng/hàng quý.

+ Có tủ bảo quản thuốc đúng theo quy định: Tránh bụi bẩn, mỗi mọt: Thường xuyên theo dõi không để thuốc hết hạn dùng, hư hỏng, mất mát và xử lý kịp thời; không để lẫn lộn thuốc, hóa chất, vắc xin, vật tư y tế tiêu hao...

+ Sử dụng thuốc an toàn, không xảy ra tai biến nghiêm trọng về sử dụng thuốc.

- Lý do bị trừ điểm: Chưa có đủ 100% danh mục thuốc.

*** Chỉ tiêu số 19: Trang thiết bị được duy tu, bảo dưỡng định kỳ; trang thiết bị khi bị hư hỏng được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

Hàng năm, quý có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị kịp thời, đảm bảo trang thiết bị y tế phục vụ tốt cho các hoạt động của trạm y tế. (có HD sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng hàng năm).

*** Chỉ tiêu số 20: TYT xã có tủ sách với 15 đầu sách chuyên môn trở lên (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

TYT xã có tủ sách với 40 đầu sách chuyên môn, nhiều tài liệu tập huấn (có danh mục kèm theo) về các lĩnh vực như y tế dự phòng, khám chữa bệnh, y dược cổ truyền, bảo quản và sử dụng thuốc, bảo quản và sử dụng thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe, quản lý y tế, thông tin y tế, dân số và phát triển...

c) Kết quả đánh giá tiêu chí 4:

- Mức điểm địa phương chấm: 7/9 điểm

5. Tiêu chí 5: Y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm (19 điểm)

a. Các biện pháp đã triển khai thực hiện

- Địa phương đã thực hiện kiện toàn BCĐ phòng chống dịch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- UBND xã xây dựng Kế hoạch phòng chống dịch, bệnh hàng năm, kèm theo chỉ tiêu cụ thể từng tháng, quý, phân công cán bộ thực hiện giám sát, báo cáo theo quy định. Thực hiện giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các nhiệm vụ truyền lây truyền qua đường tình dục; Xây dựng kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm hàng năm và tổ chức khám sàng lọc định kỳ 01 lần/năm, thực hiện quản lý, theo dõi, điều trị những người mắc bệnh mãn tính không lây theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch và phối hợp triển khai thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến kiến thức về các lĩnh vực như: Công tác phòng chống dịch; tiêm chủng mở rộng; phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm...

b. Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 21: Triển khai thực hiện tốt các biện pháp PC dịch, bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng (4 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 04 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ UBND xã xây dựng Kế hoạch số 08 /KH- UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2024 trên địa bàn xã kèm theo chỉ tiêu cụ thể từng tháng, quý.

+ Ban chỉ đạo CSSKND, BCĐ phòng chống dịch xã xây dựng đầy đủ các kế hoạch phòng chống các bệnh xã hội, bệnh không lây nhiễm, bệnh truyền nhiễm theo từng lĩnh vực, từng bệnh hàng năm. (có kế hoạch lưu tại trạm y tế).

+ Trạm y tế xã phân công cán bộ thực hiện giám sát, báo cáo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã theo quy định tại Thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015, Thông tư số 17/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế.

Kết quả: trong 9 tháng đầu năm 2024: Không có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn xã. Các chương trình, bệnh xã hội được triển khai, quản lý, báo cáo đầy đủ theo quy định

+ Có thực hiện giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục theo Thông tư số 09/2012/TT-BYT ngày 24/5/2012 của Bộ Y tế.

+ Thực hiện tốt giám sát dựa vào sự kiện, xác minh theo quy định khi phát hiện sự kiện y tế công cộng theo quy định tại Quyết định số 2018/2021/QĐ-BYT ngày 28/3/2018 của Bộ Y tế.

+ Trạm Y tế xã có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng theo thông báo số 0159/ SYT-GXN ngày 29/7/2015 của Sở Y tế Thanh Hoá và có thực hiện việc tự công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng. 100% cán bộ làm công tác tiêm chủng mở rộng được đào tạo, tập huấn liên tục, đầy đủ theo quy định và được cấp giấy chứng nhận “Thực hành tiêm chủng an toàn”.

*** Chỉ tiêu số 22: Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng chống bệnh không lây nhiễm (8 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 7,5 điểm.

- Lý do trừ điểm:

Tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường được quản lý mới đạt trên 20-40%

- Lý do đạt điểm:

+ Trong năm 2024, UBND xã đã ban hành kế hoạch số ngày về công tác phòng chống bệnh không lây nhiễm, tổ chức 4 đợt sàng lọc cho các đối tượng gồm: người cao tuổi, câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau, người dân đến khám mắt, khám chữa bệnh tại trạm y tế xã...

+ Kết quả số người ≥ 40 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm tăng huyết áp 9 tháng đầu năm 2024 là 3788/3799 chiếm tỷ lệ 99,7%. Trạm Y tế đã lập sổ quản lý theo dõi người tăng huyết áp

+ Tỷ lệ % người bệnh tăng huyết áp được điều trị và quản lý tại TYT là 349 người/1355 = 26%.

+ Kết quả sàng lọc đái tháo đường từ 40 tuổi trở lên ít nhất 1 lần/năm là 3788/3799 chiếm tỷ lệ 99,7%. Trạm Y tế đã lập sổ quản lý theo dõi người đái tháo đường

+ Tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường được quản lý tại TYT là 159/226 người (22,6% ; tuy nhiên tại xã không triển khai điều trị đái tháo đường (Có báo cáo lưu tại trạm).

+ TYT đã thực hiện quản lý các bệnh không lây nhiễm khác như; tim mạch, COPD 71 người bao gồm khám, kê đơn điều trị ngoại trú, cấp phát thuốc BHYT, có hồ sơ theo dõi lưu tại trạm, có sổ theo dõi tại TYT xã

*** Chỉ tiêu số 23: Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có nhà tiêu hợp vệ sinh là 2537/2660 đạt 95,31%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có nguồn nước hợp vệ sinh 2.585/2.660 đạt 97,1%; nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 2585/2660 đạt tỷ lệ 97,1%.

*** Chỉ tiêu số 24: Triển khai tốt các hoạt động đảm bảo ATTP; không chế kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn do xã phụ trách (3 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 03 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ UBND xã ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc kiện toàn ban chỉ đạo về quản lý VSATTP xã Hoàng Trường. Xã đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh chế biến thực phẩm, dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn theo phân cấp quản lý trọng tâm là tết nguyên đán và mùa lễ hội; tháng hành động VSATTP, mùa du lịch và tết trung thu tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

+ Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát ATTP đối với các cơ sở ngoài thẩm quyền quản lý; báo cáo kịp thời lên tuyến trên các trường hợp vi phạm về ATTP vượt thẩm quyền xử lý.

+ Phối hợp triển khai các biện pháp điều tra, xử lý kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn do xã quản lý.

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ATTP, các quy định pháp luật về ATTP, hướng dẫn phòng chống ngộ độc thực phẩm cho nhân dân trên địa bàn quản lý. Công khai các hành vi vi phạm ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật

+ Quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống hộ cá thể, nhỏ lẻ, kinh doanh thức ăn đường phố, các hoạt động nấu ăn từ thiện là 15/15 cơ sở; đạt 100%.

Bảng kết quả kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trong dịp tết nguyên đán và tháng hành động VSATTP năm 2024.

Tổng số cơ sở SX, KD, CB thực phẩm	Tổng số cơ sở SX, KD, CB thực phẩm được kiểm tra	Tổng số cơ sở SX, KD, CB thực phẩm vi phạm	Tổng số cơ sở SX, KD, CB thực phẩm vi phạm bị xử lý	Hình thức xử lý
82	60	0	0	0

+ Trong 9 tháng đầu năm 2024 không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã (có giấy xác nhận của TTYT huyện Hoàng Hóa).

*** Chỉ tiêu số 25: Triển khai thực hiện tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn xã (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 1,5 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ UBND xã ban hành Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 8/3/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống bệnh HIV/AIDS xã Hoàng Trường;

+ Trạm y tế xã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 38/KH-TYT ngày 19

tháng 01 năm 2024 về phòng chống HIV/AIDS năm 2024.

+ Ban hành Kế hoạch số ngày 12/6/2024 về tổ chức tháng hành động phòng chống HIV năm 2024 về tổ chức tháng cao điểm dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con năm 2024.

+ Có tư vấn cho đối tượng nguy cơ cao đi làm xét nghiệm HIV.

+ Luôn phối hợp với công an và các ban ngành đoàn thể rà soát các đối tượng nghiện chích ma túy đưa đi cai nghiện tập trung và uống thuốc Methadone điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện

+ TYT xã có các tài liệu truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS, có tổ chức các hình thức truyền thông về phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn như khẩu hiệu, tờ rơi, đài truyền thanh xã, các buổi họp lồng ghép truyền thông có nội dung về phòng, chống HIV/AIDS. Viết bài tuyên truyền, vận động điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone tại Trung tâm Y tế huyện.

+ Những người nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn được TYT xã quản lý, hỗ trợ, chăm sóc và điều trị ngay tại cộng đồng.

+ Thực hiện tốt việc chăm sóc hỗ trợ tại cộng đồng cho những người nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn như quản lý, hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn chăm sóc, điều trị.

+ Kết quả: Từ việc triển khai thực hiện tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS nói trên nên trong nhiều năm qua không có bệnh nhân mới về HIV trên địa bàn xã.

- Lý do trừ điểm;

+ Chưa triển khai đầy đủ các hoạt động can thiệp giảm hại...

c. Kết quả đánh giá tiêu chí 5:

- Điểm địa phương chấm: 18,5/19 điểm

6. Tiêu chí 6: Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và Y học cổ truyền (12 điểm)

a. Các biện pháp đã triển khai thực hiện

+ Công tác khám chữa bệnh, phục hồi chức năng luôn được quan tâm hàng đầu, chuyên môn của cán bộ y tế cũng ngày càng được nâng cao để nhân dân đỡ phải đi khám chữa bệnh xa đồng thời giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. Việc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại cũng ngày càng được chú trọng.

+ Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tạo lập HSSKĐT toàn dân trên địa bàn xã; Kế hoạch Khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, y học cổ truyền năm 2024, phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân dân, khám bệnh và cập nhật lên phần mềm sức khỏe điện tử. Khám, chữa bệnh và cấp cứu tại Trạm Y tế đúng theo quy định, không để xảy ra tai biến.

b. Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 26: TYT xã có khả năng để thực hiện $\geq 80\%$ các dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; bảo đảm thực hiện sơ cứu, cấp cứu thông thường theo đúng quy định của BHYT (4 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 04 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm y tế xã có đủ điều kiện và khả năng chuyên môn để thực hiện thường xuyên các dịch vụ kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được giao đạt $>80\%$.

+ Xây dựng Kế hoạch số Kế hoạch số /KH-TYT ngày tháng năm 2024 về việc Khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, y học cổ truyền năm 2024.

+ Trạm y tế xã có đủ điều kiện và khả năng chuyên môn để thực hiện thường xuyên các dịch vụ kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được giao là 76/76 danh mục, đạt 100% (Có danh mục kỹ thuật thực hiện tại trạm y tế xã được Sở Y tế phê duyệt);

+ Bảo đảm thực hiện sơ, cấp cứu thông thường theo đúng quy định của Bộ Y tế.

*** Chỉ tiêu số 27: TYT xã có vườn thuốc nam mẫu hoặc bộ tranh cây thuốc mẫu; thực hiện khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (hoặc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại) cho $\geq 30\%$ số bệnh nhân đến KCB tại TYT xã (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm y tế có vườn thuốc nam rộng 120 m² với trên 40 loại cây thuốc theo danh mục của Bộ y tế, có 2 bộ tranh cây thuốc mẫu.

+ Tỷ lệ khám chữa bệnh kết hợp YHCT và Y học hiện đại 9 tháng đầu năm năm 2024 là 939/3080 đạt 30,48% (có báo cáo lưu và sổ tổng hợp tại trạm).

*** Chỉ tiêu số 28: Quản lý và chăm sóc sức khỏe người khuyết tật tại cộng đồng (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 1 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Xây dựng Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 29/02/2024 về hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật xã Hoàng Trường năm 2024.

+ Người khuyết tật được phân loại theo các nhóm tàn tật (vận động, nghe nói, nhìn, thiếu năng trí tuệ, tâm thần, động kinh, mất cảm giác...), trên địa bàn xã được quản lý tốt (Có danh sách theo dõi, quản lý).

+ Trong năm 2024 số người khuyết tật được thăm khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần là 328/382 người, đạt tỷ lệ 85,8 % (Có sổ theo dõi người khuyết tật được thăm khám sức khỏe định kỳ).

*** Chỉ tiêu số 29: Quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn (4 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 04 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Xây dựng Kế hoạch số 37 /KH -UBND ngày 11 tháng 10 năm 2022 về Tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa trên địa bàn xã giai đoạn 2023 đến năm 2025, đảm bảo các mục tiêu đề ra trên 100% người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Số người được tạo lập Hồ sơ sức khỏe điện tử đến tháng 9/2024 là: 11.961/11.961 người đạt 100%: Các thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của người dân được lưu trữ và cập nhật thường xuyên (Thể hiện tại báo cáo ngày 25/9/2024 của UBND xã)

*** Chỉ tiêu số 30: Thực hiện xử trí ban đầu kịp thời các trường hợp bệnh, tai nạn TT đến khám tại TYT xã; chuyển lên tuyến trên kịp thời những trường hợp ngoài khả năng chuyên môn của TYT xã (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Xây dựng Kế hoạch số 34/KH-BCĐ ngày 04/03/2024 về phòng chống tai

nạn thương tích năm 2024.

+ Trong 9 tháng đầu năm 2024 TYT xã đã thực hiện xử trí ban đầu cho 31 trường hợp bệnh, tai nạn TT đến khám tại TYT xã; thực hiện chuyển tuyến cho 84 trường hợp ngoài khả năng chuyên môn của TYT xã, tỷ lệ chuyển tuyến an toàn là 100% (thể hiện trong báo cáo số 48 ngày 24/5/2024 của UBND xã).

+ TYT không để xảy ra tai biến nghiêm trọng, hoặc tử vong trong điều trị do sai sót về chuyên môn hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm (thể hiện trong báo cáo số 48 ngày 24/5/2024 của UBND xã).

c) Kết quả đánh giá tiêu chí 6:

- Điểm địa phương chấm: 12 /12 điểm

7. Tiêu chí 7: Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em (6 điểm)

a) Các biện pháp đã triển khai thực hiện

+ Trạm Y tế xã xây dựng và triển khai các Kế hoạch như: Công tác tiêm chủng mở rộng; Hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng; Triển khai chiến dịch bổ sung uống Vitamin A cho trẻ em từ 06 - 59 tháng tuổi và tẩy giun cho trẻ từ 24 - 59 tháng tuổi.

+ Tổ chức tiêm chủng mở rộng vào ngày 22 và 29 hàng tháng, thực hiện đảm bảo, an toàn trong tiêm chủng và tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi.

+ Thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền, tư vấn về sức khỏe bà mẹ trẻ em, công tác tiêm chủng mở rộng.

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu

*** Chỉ tiêu số 31: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ và được tiêm phòng uốn ván đầy đủ (2 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm xây dựng Kế hoạch số 11/KH-TYT ngày 11/01/2024 về KH hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ và trẻ em năm 2024.

+ Trong 9 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn xã có 127 phụ nữ đẻ. Số phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén năm 2024 là 127/127 đạt tỷ lệ 100% (Có danh sách theo dõi).

+ Tỷ lệ Phụ nữ đẻ được tiêm phòng uốn ván đầy đủ 124/127, đúng lịch đạt 97,6% (được thể hiện trong sổ tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ và cột ghi chú sổ đẻ của trạm)

*** Chỉ tiêu số 32: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

Trong 9 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn xã có 127 phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ đẻ chiếm tỷ lệ 100%; không có sản phụ sinh con tại nhà, hoặc ở nơi khác. (được thể hiện trong báo cáo cuối năm và báo cáo tháng, quý của trạm y tế).

*** Chỉ tiêu số 33: Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được chăm sóc sau sinh tại xã chiếm tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh tại xã trong

khoảng thời gian đến tháng 9/2024 là 127 chiếm tỷ lệ 100% (được thể hiện trong số CSBM và trẻ em sau sinh).

*** Chỉ tiêu số 34: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 0,5 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm Y tế xã xây dựng Kế hoạch ngày 02/01/2024 về công tác tiêm chủng mở rộng năm 2024.

+ Công tác tiêm chủng mở rộng tại trạm được thực hiện theo đúng Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng; Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm Y tế bắt buộc; Quyết định số 1575/QĐ-BYT ngày 27/3/2023 của Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sàng lọc đối với trẻ em; đặc biệt chú trọng thực hiện tốt xử lý phản vệ sau tiêm chủng theo Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ. Tiêm chủng đảm bảo an toàn.

+ 9 tháng đầu năm 2024 số trẻ trong độ tuổi tiêm chủng trên địa bàn xã là 130 trẻ, trong đó số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình TCMR theo quy định của Bộ Y tế là 109/130 trẻ chiếm tỷ lệ 83,8%.

- Lý do trừ điểm: Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng mới đạt 83,8%.

*** Chỉ tiêu số 35: Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi (CC/tuổi) (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trong năm 2024 TYT đã xây dựng kế hoạch số 04/KH-TYT ngày 11/01/2024 tổ chức đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

Kết quả có 25/1.106 trẻ bị suy dinh dưỡng theo cân nặng, chiếm tỷ lệ 2,3% và 37/1.106 trẻ bị suy dinh dưỡng thấp còi, chiếm tỷ lệ 3,37% cho trẻ dưới 5 tuổi. TYT đã lập danh sách theo dõi (có danh sách chi tiết), tư vấn dinh dưỡng cho người nuôi dưỡng trẻ, hướng dẫn gia đình đưa trẻ đi khám và điều trị. Tỷ lệ này đã được báo cáo bằng văn bản của Ban điều hành mục tiêu phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em xã và được nêu trong báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 của UBND xã Hoàng Trường.

+ TYT đã xây dựng Kế hoạch số 52/KH-TYT ngày 04 tháng 01 năm 2024 về triển khai chiến dịch bổ sung uống Vitamin A cho trẻ em từ 06 - 60 tháng tuổi, cân đo cho trẻ từ 0 - 60 tháng tuổi và tẩy giun cho trẻ từ 24 - 59 tháng tuổi.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí 7:

- Điểm địa phương chấm: 5,5 /6 điểm

8. Tiêu chí 8: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (11 điểm)

a) Các biện pháp đã triển khai thực hiện

+ Ban hành Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023 của UBND xã về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện công tác dân số và phát triển xã Hoàng Trường.

+ Trạm Y tế xã phối hợp với ban dân số xã xây dựng Kế hoạch triển khai

công tác DS-KHHGD số 12/KH-TYT ngày 03 tháng 01 năm 2024.

+ Tăng cường tuyên truyền vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại, giảm tỷ lệ sinh và giảm mất cân bằng giới tính khi sinh. Triển khai công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, tư vấn về tầm soát sơ sinh, trước sinh; chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân.

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 36: Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

Năm	TS phụ nữ 15-49 tuổi có chồng	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai							Tổng cộng các BPTT	Tỷ lệ %
		Đặt vòng tránh thai	Triệt sản nam	Triệt sản nữ	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc viên tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Bao cao su		
1	2	3	4	5		6	7	8	10	11(=9:2)
2024	2027	987	0	0	0	93	0	265	1.345	66,3

Bảng tổng hợp Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các BPTT

Trên địa bàn xã hiện có 2.790 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (từ 15 – 49 tuổi), 2.027 phụ nữ trong độ tuổi 15 – 49 có chồng; tổng số phụ nữ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại là 1.345/2.027 người chiếm tỷ lệ 66,3% (thể hiện trong số theo dõi KHHGD).

*** Chỉ tiêu số 37: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm (2 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ UBND xã xây dựng Kế hoạch số 107/KH-BCĐ ngày 21/03/2024 của UBND xã về triển khai thực hiện công tác dân số và phát triển.

+ Xác định mục tiêu, chỉ tiêu về công tác dân số và phát triển trong giai đoạn hiện nay “Nhằm ổn định quy mô dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của xã”.

+ Tính đến tháng 9/2024 tổng dân số trên địa bàn xã là 11.446 người, số trẻ sinh ra là 127, số tử vong là 37; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 11,4%o. nằm ở mức cao (thể hiện trong số để và số theo dõi nguyên nhân tử vong).

- Lý do trừ điểm: Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên còn cao.

*** Chỉ tiêu số 38: Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên đối với các tỉnh, TP thuộc vùng có mức sinh cao (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 0,5 điểm.

- Lý do trừ điểm: Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên còn cao.

Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên của xã 9 tháng đầu năm 2024 là $37/127 = 29,1\%$, (nằm ở mức cao theo quy định).

*** Chỉ tiêu số 39: Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 2 con đối với các tỉnh, TP thuộc vùng có mức sinh thấp (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 1 điểm.

- Lý do đạt điểm: Theo Quyết định số 2019/QĐ-BYT ngày 27/4/2020

của Bộ trưởng Bộ Y tế, tỉnh Thanh Hóa là 1 trong 33 tỉnh, thành phố có mức sinh thấp, hiện tại tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 02 con tại xã Hoàng Trường 9 tháng đầu năm 2024 là 48/127, đạt ở mức cao (*thể hiện trong số để.*)

*** Chỉ tiêu số 40: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (2 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm y tế có xây dựng và triển khai Kế hoạch ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2024.

+ Trạm y tế đã lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe cho người cao tuổi.

+ Phối hợp đầy đủ với hội người cao tuổi trong việc quản lý và chăm sóc sức khỏe, 9 tháng đầu năm 2024.

*** Chỉ tiêu số 41: Xã có triển khai hoặc phối hợp tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Xã có xây dựng Kế hoạch số 02/KH-DS ngày 08 tháng 04 năm 202 về triển khai đề án, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2024.

+ Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện thực hiện các đề án về mất cân bằng giới tính; các ban ngành, đoàn thể tại địa phương triển khai các biện pháp như tuyên truyền, vận động chuyển đổi hành vi của người dân về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, vị trí và vai trò của phụ nữ hiện nay, bình đẳng giới; các quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi...

+ Trạm Y tế xã thực hiện nghiêm túc việc giữ bí mật về giới tính của thai nhi trước khi sinh. Không tư vấn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ lựa chọn giới tính thai nhi; không thực hiện việc phá thai.

Năm	Số trẻ sinh trong năm			Tỷ số giới tính khi sinh
	Tổng số sinh	Trong đó		
		Số trẻ em trai	Số trẻ em gái	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=(3:4)</i>
2024	130	64	66	96/100

Kết quả tỷ số giới tính khi sinh tại xã hàng năm

*** Chỉ tiêu số 42: Tư vấn về tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh, trước sinh (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 0,5 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ UBND xã xây dựng Kế hoạch số 40/KH-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, tầm soát trước sinh và sơ sinh trên địa bàn năm 2024. Với mục tiêu: Phổ cập tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh nhằm giảm thiểu số trẻ em sinh ra bị bệnh tật bẩm sinh góp phần nâng cao chất lượng dân số; Tăng tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh, tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh, tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn khám sức khỏe trước hôn nhân.

+ Thực hiện tư vấn và quản lý thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di

truyền (thể hiện trong sổ theo dõi thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền..)

+ Phối hợp với TTYT huyện tư vấn, tầm soát (sàng lọc) phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền (gồm thăm khám thực thể, thực hiện các sàng lọc, tầm soát cận lâm sàng để phát hiện thai kỳ nguy cơ cao, tìm hiểu tiền sử gia đình, tiền sử thai sản của sản phụ khuyến cáo thai phụ cần thực hiện khám thai định kỳ theo đúng quy định).

- Lý do trừ điểm: Chưa thực hiện tầm soát, phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền.

*** Chỉ tiêu số 43: Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 01 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Xã có xây dựng Kế hoạch ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, tầm soát trước sinh và sơ sinh trên địa bàn năm 2024.

+ Trạm Y tế đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức nói chuyện chuyên đề về Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, duy trì sinh hoạt các câu lạc bộ tiền hôn nhân. Đã thực hiện tư vấn tâm sinh lý và sức khỏe trước khi kết hôn cho thanh niên trước khi lập gia đình. (Có danh sách khám và quản lý); Sổ tư vấn có ghi chép các thông tin về hoạt động này 15/20 cặp vợ chồng kết hôn đạt tỷ lệ 75 %.

+ Tổ chức khám sức khỏe trước khi kết hôn và quản lý các đối tượng có nguy cơ cao, trường hợp có nghi ngờ theo chỉ định của bác sỹ.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí:

- Điểm địa phương chấm: 9/11 điểm

9. Tiêu chí 9: Truyền thông - giáo dục sức khỏe (3 điểm)

a. Các biện pháp đã triển khai thực hiện

+ BCD CSSKND xã đã xây dựng kế hoạch về hoạt động Truyền thông giáo dục số 35 ngày 10 tháng 01 năm 2024.

+ Trạm y tế xã huy động nhiều nguồn để trang bị đầy đủ các phương tiện, tài liệu truyền thông như sổ tay tuyên truyền, bộ tài liệu truyền thông, bộ công cụ làm mẫu, cẩm nang thực hiện các hoạt động TTGDSK truyền thông tại Trạm Y tế xã.

+ Triển khai tốt các hoạt động thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn xã như loa truyền thanh, truyền thông tại cộng đồng, khi thăm hộ gia đình, khi người dân đến khám chữa bệnh tại TYT và trong trường học..

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 44: TYT xã có đủ các phương tiện truyền thông theo quy định (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 1 điểm.

- Lý do đạt điểm:

+ Trạm y tế xã có 12/15 loại phương tiện TT-GDSK quy định cho trạm y tế tuyến xã/phường/thị trấn theo Quyết định số 2420/QĐ-BYT ngày 07/7/2010 của Bộ Y tế.

+ Có tủ chia nhiều ngăn đựng và các tài liệu truyền thông như sổ tay tuyên truyền, bộ tài liệu truyền thông, bộ công cụ làm mẫu, cẩm nang thực hiện các hoạt động TTGDSK.

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG QUY ĐỊNH	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	GHI CHÚ
1	Máy tính bàn	Cái	01	01	
2	Máy in Laser	Cái	01	01	
3	Máy điện thoại bàn	Cái	01	01	
4	Bàn, ghế tư vấn	Bộ	01	01	
5	Ghế ngồi truyền thông trực tiếp	Cái	10-15	10	
6	Kệ đựng tài liệu truyền thông	Cái	01	01	
7	Ti vi từ 21"- 32"	Cái	01	01	
8	Đầu CD	Cái	01	01	
9	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	01	0	
10	Mê ga phon (Loa cầm tay)	Cái	04	01	Chạy nguồn DC
11	Tăng âm, loa nén, micro	Bộ	01	01	
12	Tủ hút ẩm bảo quản thiết bị	Cái	01	0	
13	Đài Cassette 2 cửa băng, ổ đĩa CD, USB	Cái	01	0	
14	Bảng viết di động	Cái	01	01	
15	Góc truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	01	01	Gồm: 01 tủ nhiều ngăn đựng tài liệu truyền thông, 01 bàn để sách, mô hình, 01 ghế dài, 03 giá treo tranh applic

+ Có góc truyền thông đặt ở vị trí nhiều người qua lại, dễ nhìn, dễ lấy tài liệu truyền thông.

*** Chỉ tiêu số 45: Triển khai tốt các hoạt động thông tin, truyền thông giáo dục sức khỏe dựa trên địa bàn xã (2 điểm).**

- Điểm địa phương chấm: 02 điểm.

- Điểm địa phương chấm: 2 điểm

- Lý do đạt điểm:

+ Xã đã xây dựng kế hoạch về hoạt động Truyền thông giáo dục sức khỏe hàng năm. Cụ thể: BCĐ CSSKND xã ban hành Kế hoạch số 35/KH-TYT ngày 10/01/2024 về hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2024.

+ Thực hiện thường xuyên TT-GDSK thông qua truyền thông đại chúng, truyền thông tại cộng đồng, khi thăm hộ gia đình và khi người dân đến khám chữa bệnh tại TYT xã và trong trường học.

+ Thường xuyên phối hợp với các tổ chức xã hội (Phụ nữ, Thanh niên, Hội nông dân, cựu chiến binh...) thực hiện các hoạt động TT-GDSK tại cộng đồng.

+ Cán bộ TYT xã và cộng tác viên dân số thực hiện TT-GDSK và tư vấn các vấn đề về sức khỏe khi người dân đến khám chữa bệnh hoặc khi đến thăm hộ gia đình; có các hoạt động về TT-GDSK trong trường học tại địa phương.

+ Kết quả đạt được:

Số bài viết truyền thông GD SK 9 tháng đầu năm 2024 là 39 bài, Truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh xã là 39 bài (có sổ truyền thông và các bài

truyền thông được xác nhận của UBND xã).

Số lần truyền thông trực tiếp (tư vấn sức khỏe, thăm hộ gia đình, tổ chức các buổi TT-GDSK tại nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học 9 tháng đầu đầu năm 2024 là 447 lần, (có sổ truyền thông).

c) Kết quả đánh giá tiêu chí:

- Điểm địa phương chấm: 3/3 điểm
- Điểm sau thẩm định:

10. Tiêu chí 10: Ứng dụng công nghệ thông tin (4 điểm)

a) Các biện pháp đã triển khai thực hiện

+ Xã có xây dựng Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tạo lập Hồ sơ sức khỏe điện tử gia đoạn đến năm 2025.

+ Phân công cán bộ Trạm Y tế hàng năm được cử đi tập huấn nâng cao trình độ về ứng dụng công nghệ thông tin.

+ Tăng cường công tác truyền thông về lợi ích của công tác chuyên đội số quốc gia, sử dụng tối đa, có hiệu quả các phần mềm hiện có phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin báo cáo.

b) Kết quả đánh giá theo chỉ tiêu:

*** Chỉ tiêu số 46: Số cán bộ sử dụng thành thạo máy tính (1 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 1 điểm.
- Lý do đạt điểm:

Tỷ lệ cán bộ TYT sử dụng thành thạo máy tính so với tổng số cán bộ TYT là: $6/6 = 100\%$. (Có danh sách trích ngang và chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin).

*** Chỉ tiêu số 47: Mức độ ứng dụng các phần mềm hiện có phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin báo cáo (3 điểm)**

- Điểm địa phương chấm: 3 điểm.

- Lý do trừ điểm: Chưa ứng dụng phần mềm vào hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

- Lý do đạt điểm:

Theo Hướng dẫn chấm điểm tại Quyết định 1300/QĐ-BYT; hiện nay, các phần mềm được TYT xã sử dụng để phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin báo cáo gồm: Quản lý bệnh không lây nhiễm; Quản lý tiêm chủng: thông tin hành chính, quản lý các mũi tiêm, nhắc lịch tiêm, thống kê, báo cáo; Quản lý thanh quyết toán KCB BHYT; Hồ sơ sức khỏe cá nhân; Thống kê y tế điện tử.

c) Kết quả đánh giá tiêu chí:

- Điểm địa phương chấm: 4 /4 điểm

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Về đáp ứng yêu cầu tại Quyết định 1300/QĐ-BYT

- Xã Hoàng Trường đạt 93 điểm.

- Số điểm trong mỗi tiêu chí đều đạt từ 50% số điểm của tiêu chí đó trở lên; Không bị “điểm liệt”.

(Có bảng điểm chi tiết kèm theo)

2. Ưu điểm

- Công tác y tế của xã đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự đồng tình ủng hộ của người dân, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương; Đặc biệt là sự quan tâm, hỗ trợ của

Ban giám đốc và các khoa phòng chức năng Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa về chuyên môn nghiệp vụ, cấp trang thiết bị cho trạm y tế hoạt động.

- Được sự chỉ đạo giám sát, hỗ trợ về công tác chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Hoàng Hóa.

- Có sự đoàn kết, nhiệt tình, hỗ trợ lẫn nhau của toàn thể viên chức trạm Y tế xã góp phần trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn cũng như trong thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được tổ chức thường xuyên và đạt được nhiều kết quả tốt.

- Đã ứng dụng tốt các phần mềm hiện có để phục vụ công tác khám chữa bệnh, quản lý số liệu và trích xuất thông tin báo cáo. Thực hiện tốt công tác chuyển đổi số.

V. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị với cấp có thẩm quyền thiết lập lại mạng lưới y tế thôn để hoạt động tốt hơn.

- Bổ sung thêm nguồn kinh phí, đầu tư thêm trang thiết bị về tuyến y tế cơ sở nhằm đảm bảo tốt hơn công tác CSSK nhân dân.

- Bổ sung thêm thuốc Bảo hiểm y tế cho trạm y tế cả về chủng loại và số lượng (đặc biệt là nhóm thuốc hạ huyết áp, tiểu đường) để thu hút người bệnh đến khám chữa bệnh tại trạm y tế. Đưa thuốc điều trị tiểu đường về trạm y tế để tuyến y tế xã quản lý bệnh không lây nhiễm tốt hơn.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn xã Hoàng Trường, theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT, ngày 09/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Hoàng Hoá (B/c);
- TT Đảng ủy, TT HDDND (B/c);
- Thành viên BCĐ CSSKND xã (Đề biết)
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cảnh

PHỤ LỤC 2:
Biểu điểm kèm theo báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế
xã giai đoạn đến năm 2030
(Kèm theo báo cáo số /BC - UBND, ngày /10/2024
của UBND xã Hoàng Trường)

TT	Nội dung các tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm xã chấm	Điểm sau thẩm định
I	Tiêu chí 1. Chỉ đạo, điều hành công tác CSSK	14	12	
1	Xã có BCĐ CSSK nhân dân, hoạt động thường xuyên.	1	1	
2	Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân được đưa vào Nghị quyết của Đảng ủy hoặc kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm của xã; các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân tích cực tham gia vào các hoạt động CSSK.	4	4	
3	Y tế xã có xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có sơ kết 6 tháng, tổng kết năm về các hoạt động y tế của xã.	1	1	
4	TYT xã có đủ sổ, mẫu báo cáo thống kê theo quy định (bao gồm ứng dụng CNTT); báo cáo số liệu thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác; có các biểu đồ, bảng số liệu thống kê cập nhật về tình hình hoạt động.	2	2	
5	TYT xã được cấp đủ và kịp thời kinh phí chi thường xuyên; quản lý tài chính theo quy định.	3	3	
6	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT.	3	1	
II	Tiêu chí 2. Nhân lực y tế	10	10	
7	Đảm bảo đủ số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo đề án vị trí việc làm của TYT được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các cán bộ được đào tạo, tập huấn chuyên môn theo quy định hiện hành	4	4	
8	Có bác sỹ làm việc tại TYT xã.	2	2	
9	Mỗi thôn, bản, ấp đều có NVYT, CTV dân số được đào tạo hoạt động; đối với thôn, bản ấp thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo.	2	2	
10	Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước ban hành đối với cán bộ TYT, nhân viên y tế thôn bản và các loại hình nhân viên y tế hưởng phụ cấp khác.	2	2	
III	Tiêu chí 3. Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã	12	12	
11.	TYT xã ở gần đường trục giao thông của xã, hoặc ở khu vực trung tâm xã để người dân dễ tiếp cận.	1	1	
12.	Diện tích mặt bằng và diện tích xây dựng của TYT xã đảm bảo đáp ứng nhu cầu CSSK nhân dân.	2	2	
13	TYT xã được xây dựng theo tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở và tiêu chuẩn ngành; đảm bảo đủ số lượng và	3	3	

TT	Nội dung các tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm xã chấm	Điểm sau thẩm định
	diện tích của các phòng để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao			
14	Công trình chính của TYT xã được xếp hạng từ cấp III trở lên	2	2	
15	TYT xã có nguồn nước sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh; thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.	2	2	
16	Có đủ hạ tầng kỹ thuật và khối phụ trợ.	2	2	
IV	Tiêu chí 4. Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác	9	7	
17	TYT xã đảm bảo có đủ TTB để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; cán bộ y tế có khả năng sử dụng các trang thiết bị y tế được cấp	3	2	
18	Tại TYT xã có đủ thuốc chữa bệnh, thuốc chống sốt và thuốc cấp cứu thông thường; quản lý thuốc theo đúng quy định.	4	3	
19	Trang thiết bị được duy tu, bảo dưỡng định kỳ; trang thiết bị khi bị hư hỏng được sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.	1	1	
20	TYT xã có tủ sách với 15 đầu sách chuyên môn trở lên	1	1	
V	Tiêu chí 5: YTDP, PCHIV/AIDS, VSMT & ATTP	19	18	
21	Triển khai thực hiện tốt các biện pháp PC dịch, bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng	4	4	
22	Triển khai thực hiện tốt các biện pháp PC bệnh ko lây nhiễm	8	8	
23	Tỷ lệ hộ gia đình trong xã có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	2	2	
24	Triển khai tốt các hoạt động đảm bảo ATTP; không chékip thời các vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn do xã phụ trách.	3	3	
25	Triển khai thực hiện tốt các hoạt động phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn xã.	2	1,5	
VI	Tiêu chí 6. Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và YHCT	12	12	
26	TYT xã có khả năng để thực hiện $\geq 80\%$ các dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; bảo đảm thực hiện sơ cứu, cấp cứu thông thường theo đúng quy định của BHYT.	4	4	
27	TYT xã có vườn thuốc nam mẫu hoặc bộ tranh cây thuốc mẫu; thực hiện khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền (hoặc kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại) cho $\geq 30\%$ số bệnh nhân đến KCB tại TYT xã.	2	2	
28	Quản lý và chăm sóc sức khỏe người khuyết tật tại cộng đồng.	1	1	
29	Quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn.	4	4	

TT	Nội dung các tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm xã chấm	Điểm sau thẩm định
30	Thực hiện xử trí ban đầu kịp thời các trường hợp bệnh, tai nạn TT đến khám tại TYT xã; chuyển lên tuyến trên kịp thời những trường hợp ngoài khả năng chuyên môn của TYT xã.	1	1	
VII	Tiêu chí 7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ-trẻ em	6	5,5	
31	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ và được tiêm phòng uốn ván đầy đủ.	2	2	
32	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	1	1	
33	Tỷ lệ phụ nữ đẻ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh.	1	1	
34	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng các loại vắc-xin phổ cập theo quy định của Bộ Y tế.	1	0,5	
35	Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi (CC/tuổi)	1	1	
VIII	Tiêu chí 8. DS – KHHGD	11	9	
36	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.	2	2	
37	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm.	2	1	
38	Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên đối với các tỉnh, TP thuộc vùng có mức sinh cao.	1	0,5	
39	Tỷ lệ phụ nữ sinh đủ 2 con đối với các tỉnh, TP thuộc vùng có mức sinh thấp	1	1	
40	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	2	
41	Xã có triển khai hoặc phối hợp tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	1	1	
42	Tư vấn về tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh, trước sinh	1	0,5	
43	Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân	1	1	
IX	Tiêu chí 9. Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	3	3	
44	TYT xã có đủ các phương tiện truyền thông theo quy định.	1	1	
45	Triển khai tốt các hoạt động thông tin, truyền thông – giáo dục sức khỏe trên địa bàn xã.	2	2	
X	Tiêu chí 10. Ứng dụng công nghệ thông tin	4	3,5	
46	Số cán bộ sử dụng thành thạo máy tính	1	1	
47	Mức độ ứng dụng các phần mềm hiện có phục vụ công tác KCB, quản lý số liệu và trích xuất thông tin báo cáo	3	2,5	
	TỔNG ĐIỂM:	100	93	